

Bản án số: **59/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 13 - 12 - 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Ngọc Diệp
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Năng Long và bà Hoàng Thị Trang.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Lê Trịnh Xuân Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị H.T.L.H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn n, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

* *Bị đơn:* Anh P.H.T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn n, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị H.T.L.H trình bày:*

Chị H.T.L.H và anh P.H.T là bạn bè, tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau từ năm 2019, đến ngày 25/03/2019 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 25/03/2019.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh T ham chơi cờ bạc, ít quan tâm vợ con dẫn đến thường xảy ra cãi vã và xô xát lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H, anh T có 01 con chung là cháu P.H.N.V, sinh ngày 29/9/2020. Hiện nay cháu đang chung sống cùng chị H. Trường hợp Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Chị H.T.L.H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai và đơn trình bày của bị đơn anh P.H.T trình bày:

Anh P.H.T và chị H.T.L.H có tình cảm, yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2019, cả hai có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C vào ngày 25/03/2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì chỉ hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn với chị H.T.L.H.

Về con chung: Anh T, chị H có 01 con chung tên P.H.N.V, sinh ngày 29/9/2020. Trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì anh T đồng ý giao cháu V cho chị H.T.L.H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá lập luận Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn.

Về con chung giao con chung tên P.H.N.V, sinh ngày 29/9/2020 cho chị H.T.L.H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn anh P.H.T có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn n, xã E, huyện C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C. Tại phiên toà, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H.T.L.H và anh P.H.T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đ ngày 25/03/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Từ sau khi kết hôn, chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xô xát với nhau. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thay đổi, do đó chị H và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H.T.L.H và anh P.H.T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên P.H.N.V, sinh ngày 29/9/2020. Hiện nay cháu V đang ở với chị H.

Xét thấy chị H và anh T đều có nguyện vọng giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự và giao con chung P.H.N.V cho chị H chăm sóc. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H.T.L.H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H.T.L.H và anh P.H.T.

2. Về con chung: Giao con chung P.H.N.V, sinh ngày 29/9/2020 cho chị H.T.L.H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi).

Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể

quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H.T.L.H không yêu cầu anh P.H.T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị H.T.L.H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0017766 ngày 02/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- Chi Cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tạ Thị Ngọc Diệp